ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1454/BC-UBND	*Than Uyên, ngày 30 tháng 11 năm 2018*

BÁO CÁO
Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cho xã Phúc Than năm 2018

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ Về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 935/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 của UBND tỉnh Lai Châu về Ban hành Bộ tiêu chí xây về xã nông thôn mới tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 1823/QĐ-BCĐ ngày 29/12/2017 của Ban chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện Than Uyên về việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM huyện Than Uyên năm 2018;

Căn cứ đề nghị của UBND xã Phúc Than tại Tờ trình số 61/TTr-UBND ngày 23/11/2018 về việc đề nghị thẩm tra, xét công nhận xã đạt chuẩn NTM năm 2018;

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã Phúc Than, UBND huyện Than Uyên báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới xã Phúc Than năm 2018 cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra: 1/2 ngày (ngày 29/11/2018, bắt đầu từ: 14 giờ 00 phút).

1. Về hồ sơ

- Số lượng: 02 bộ (01 bộ Lưu tại UBND huyện, 01 bộ gửi UBND tỉnh).

- Hồ sơ trong 01 bộ gồm:

+ Tờ trình số 61/TTr-UBND ngày 23/11/2018 của UBND xã Phúc Than về việc thẩm tra, đề nghị xét công nhận xã Phúc Than đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018;

+ Báo cáo số 91/BC-UBND ngày 16/10/2018 của UBND xã Phúc Than về kết quả xây dựng nông thôn mới năm 2018.

(Có minh chứng các nội dung tiêu chí kèm theo)

+ Báo cáo số 109/BC-UBND ngày 20/11/2018 của UBND xã Phúc Than về tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thực hiên các tiêu chí nông thôn mới năm 2018.

+ Biên bản cuộc họp ngày 22/11/2018 họp đề nghị xét, công nhận xã Phúc Than đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018.

+ Báo cáo tình hình nợ đọng số 111/BC-UBND ngày 23/11/2018 của UBND xã Phúc Than về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã đến hết năm 2018.

+ Một số hình ảnh minh họa trong xây dựng nông thôn mới.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

2.1. Tiêu chí quy hoạch và thực hiện theo quy hoạch

**** Yêu cầu của tiêu chí:***

2.1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn;

2.1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

**** Kết quả thực hiện:***

- Có quy hoạch chung xây dựng xã nông thôn mới được lập phù hợp với Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTN&MT ngày 28/10/2011của liên bộ: Xây dựng - Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Tài nguyên và Môi trường quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới, được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn (phê duyệt tại Quyết định số 2156/QĐ-UBND ngày 07/11/2012 của UBND huyện).

- Có Quy chế quản lý quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

- Bản đồ quy hoạch được niêm yết công khai ở trung tâm xã để nhiều người nhận biết.

**** Đánh giá:*** So với quy định đạt tiêu chí số 1.

2.2. Tiêu chí giao thông

**** Yêu cầu của tiêu chí:***

2.2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (Chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,5m; chiều rộng của nền đường tối thiểu 5,0 m trở lên) ***Đạt 100% cứng hóa.***

2.2.2. Đường trục thôn, bản và đường liên thôn bản được cứng hóa đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm (Chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0m; chiều rộng của nền đường tối thiểu 4,0m trở lên). ***Đạt ≥ 80% cứng hóa;***

2.2.3. Đường ngõ xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa (Chiều rộng mặt đường tối thiểu 2,0m; chiều rộng của nền đường tối thiểu 3,0m trở lên) ***chỉ tiêu cứng hóa ≥ 50% cứng hóa;***

2.2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyện hàng hóa thuận tiện quanh năm (Chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0m; chiều rộng của nền đường tối thiểu 4,0m trở lên) ***Chỉ tiêu cứng hóa ≥ 50%.***

**** Kết quả thực hiện***

- *Đường trục xã, liên xã:* Tổng chiều dài 12 km, tỷ lệ cứng hóa đạt 100%.

- *Đường trục bản, liên bản:* Tổng chiều dài 34,6 km, đã cứng hóa 82,9%.

- *Đường nội bản:* Tổng chiều dài 53,28 km, đã cứng hóa được 40,08 km, đạt 75,2%.

- *Đường trục chính nội đồng:* Tổng chiều dài 12,4 km, đến nay đã cứng hóa được 6,2 km, đạt 50%.

**** Đánh giá:*** So với quy định đạt tiêu chí số 2.

2.3. Tiêu chí thủy lợi

**** Yêu cầu của tiêu chí:***

2.3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên;

2.3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh, và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ (Đạt).

**** Kết quả thực hiện***

- Số công trình thủy lợi trên địa bàn xã gồm 15 công trình, với tổng chiều dài 35,6 km đã được cứng hóa: 32,2 km, đạt 90,5%.

- Tổng diện tích trồng lúa của xã 880 ha, hiện nay hệ thống thủy lợi đã cung cấp: 704/880 ha, đạt 80%.

**** Đánh giá:*** So với quy định đạt tiêu chí số 3.

2.4. Tiêu chí Điện

**** Yêu cầu của tiêu chí:***

2.4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn;

2.4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn ≥ 95%.

**** Kết quả thực hiện:***

- Trên địa bàn xã có 6 trạm hạ thế.

- 100% số thôn bản trên địa bàn được sử dụng điện lưới quốc gia, hàng năm được Chi nhánh Điện lực huyện Than Uyên thường xuyên kiểm tra, tu sửa đảm bảo an toàn theo quy định của nghành điện.

- Số hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện: 2.045/2.086 hộ, đạt 98%.

Xã đã có quy hoạch chợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt: nhưng do nhu cầu thực tế chưa cần phải đầu tư xây dựng. Hiện nay việc kinh doanh, mua bán tiêu thụ hàng hóa được thực hiện tại bản Đội 9, Đội 10 (hiện có các cửa hàng tạp hóa, phục vụ tốt nhu cầu về các loại hàng hóa thiết yếu của nhân dân trong xã, mọi hoạt động buôn bán diễn ra thuận lợi).

Đánh giá: So với quy định đạt tiêu chí số 7.

2.8. Thông tin và truyền thông

**** Yêu cầu của tiêu chí:***

2.8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính (Xã có điểm phục vụ bưu chính đạt chuẩn theo quy định; đối với các xã gần thị trấn, thành phố không nhất thiết phải có điểm phục vụ bưu chính mà có thể dùng chung điểm phục vụ bưu chính của thị trấn, thành phố).

2.8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet (Xã có ít nhất 01 điểm phục vụ dịch vụ viễn thông công cộng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ điện thoại và dịch vụ truy nhập internet).

2.8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn (xã có Đài truyền thanh đạt tiêu chuẩn theo quy định và có ít nhất 2/3 số thôn, bản trong xã có hệ thống loa hoạt động).

2.8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành (Tất cả các cơ quan: Đảng ủy xã, HĐND, UBND xã và các tổ chức chính trị - xã hội có máy vi tính phục vụ công tác; có kết nối Interne và ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý).

**** Kết quả thực hiện:***

- Hiện tại xã đã có 01 điểm để phục vụ bưu chính tại bản Đội 10 với tổng diện tích 202m^2. 100% các thôn bản được sử dụng các loại dịch vụ viễn thông.

- 24/24 bản trong xã đã phủ sóng di động đạt 100% (do 3 đơn vị cung cấp: Vinaphone, Mobiphone, Viettel); số trạm BTS phủ sóng di động: 06 trạm. Băng rộng Internet đã được cung cấp tại UBND xã, các trường học và trạm y tế (do Viettel cung cấp, Vinaphone đang triển khai).

- 19/24 bản có hệ thống loa phát thanh không dây, bộ thu Fm hoạt động tốt.

- Xã đã ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành; hiện có 11 máy tính để bàn, có kết nối internet.

Đánh giá: So với quy định đạt tiêu chí số 8.

2.9. Tiêu chí nhà ở dân cư

**** Yêu cầu của tiêu chí:***

2.9.1. Xã không có nhà tạm, dột nát;

2.9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định ≥ 75% . Nhà ở đạt chuẩn phải đảm bảo "3 cứng" (nền cứng, khung cứng, mái cứng). Diện tích ở

tối thiểu đạt 10m^2/người trở lên. Diện tích tối thiểu một căn nhà từ 24m^2 trở lên. Đối với hộ đơn thân diện tích tối thiểu một căn nhà từ ≥ 18m^2. Niên hạn sử dụng công trình từ 20 năm trở lên; Các công trình phụ trợ (bếp, nhà vệ sinh, chuồng trại...) được bố trí đảm bảo vệ sinh, thuận tiện cho sinh hoạt; Kiến trúc, mẫu nhà ở phù hợp với phong tục, tập quán của địa phương).

**** Kết quả thực hiện:***

- Trên địa bàn không còn hộ gia đình ở nhà tạm, nhà dột nát.

- Tỷ lệ hộ có nhà đạt tiêu chuẩn theo quy định là 1.610/2.086 hộ, đạt 77,2%, đại đa số người dân ở nhà sàn truyền thống của dân tộc Thái.

**** Đánh giá:*** So với quy định đạt tiêu chí số 9.

2.10. Tiêu chí thu nhập:

** Yêu cầu của tiêu chí: Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (Năm 2018: 26 triệu đồng; năm 2018: 30 triệu đồng; năm 2019: 33 triệu đồng; năm 2020: 36 triệu đồng/người/năm).*

**** Kết quả thực hiện:***

Thu nhập bình quân năm 2018 của xã đạt: 29 triệu đồng/người/năm.

**** Đánh giá:*** So với quy định đạt tiêu chí số 10.

2.11. Tiêu chí hộ nghèo

**** Yêu cầu của tiêu chí:*** *Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 ≤ 12%.*

**** Kết quả thực hiện:***

Tỷ lệ hộ nghèo của xã 2018 giảm xuống còn 297/2.125 hộ = 13,98% (trong đó có 21 hộ nghèo thuộc đối tượng bảo trợ xã hội, nếu trừ đối tượng này xã chỉ còn 276 hộ nghèo = 12,98%). Xã cam kết thực hiện tỷ lệ hộ nghèo trong năm 2019 xuống dưới 12%.

**** Đánh giá:*** So với quy định đạt tiêu chí số 11.

2.12. Tiêu chí tỷ lệ lao động có việc làm

**** Yêu cầu của tiêu chí:*** *Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động trên 90%.*

**** Kết quả thực hiện:***

Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động: 6.674/7.011 người, đạt 95,19%.

**** Đánh giá:*** So với quy định đạt tiêu chí 12.

2.13. Tiêu chí về hình thức tổ chức sản xuất

**** Yêu cầu của tiêu chí:***

2.13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 (Có tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012; Có ít nhất 01 loại dịch vụ cơ bản theo đặc điểm từng vùng phục vụ thành

viên hợp tác xã; Kinh doanh có lãi liên tục trong 02 năm tài chính gần nhất, đối với hợp tác xã mới thành lập thì ít nhất có 01 năm tài chính gần nhất có lãi).

2.13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững (Có tham gia chuỗi giá trị gắn với các sản phẩm chủ lực, đặc biệt là tiêu thụ sản phẩm; tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng gắn với chương trình nông thôn mới).

**** Kết quả thực hiện:***

- Trên địa bàn xã có 02 hợp tác xã: HTX Minh Thuận, HTX Hồng Hải đang hoạt động tốt, hoạt động theo đúng quy định của luật HTX năm 2012.

- Hiện nay trên địa bàn xã còn có 03 doanh nghiệp hoạt động (Công ty TNHH MTV Xuân Hùng, Công ty cổ phần XD&TM Phương Thủy, Công ty TNHH MTV Phúc Thảo) các doanh nghiệp đều hoạt động kinh doanh có hiệu quả, hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

**** Đánh giá:*** So với quy định đạt tiêu chí 13.

2.14. Tiêu chí Giáo dục

**** Yêu cầu của tiêu chí:***

2.14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

2.14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) ≥ 70%.

2.14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo (Lao động trong độ tuổi đã tham gia các khóa bồi dưỡng dạy nghề ngắn, dài hạn, được cấp chứng chỉ nghề trở lên) ≥ 25%.

**** Kết quả thực hiện:***

- Xã đạt Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở đạt 100%.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) là 114/158 học sinh, đạt 72,1%.

- Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo là 2.345/7.067 lao động, chiếm 31%.

**** Đánh giá:*** So với quy định đạt tiêu chí số 14.

2.15. Tiêu chí Y tế

**** Yêu cầu của tiêu chí:***

2.15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế 85%

2.15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế

2.15.3.Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) ≤ 26,7%.

**** Kết quả thực hiện:***

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế: 9.938/10.028 người, đạt 99,1%.

- Y tế xã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về Y tế xã năm 2014 tại Quyết định số 551/QĐ-UBND ngày 02/6/2014 của UBND tỉnh Lai Châu.

- Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi: 207/1.090 trẻ, chiếm 19%.

Đánh giá: So với quy định đạt tiêu chí số 15.

2.16. Tiêu chí văn hóa

***Yêu cầu của tiêu chí**: Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định ≥70%.*

Kết quả thực hiện:

Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hoá: 18/24 bản, đạt 75%.

Đánh giá: So với quy định đạt tiêu chí 16.

2.17. Tiêu chí môi trường và an toàn thực phẩm

Yêu cầu của tiêu chí:

2.17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định (Nước hợp vệ sinh là nước trong suốt, không màu, không mùi, không vị, qua đun nấu có thể sử dụng được ≥ 90% (≥ 50% nước sạch); Nước sạch là nước đã qua xử lý, có thể dùng trực tiếp từ hệ thống cấp nước);

2.17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường(Có đăng ký, cam kết bảo vệ môi trường) 100%;

2.17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp;

2.17.4. Mai táng phù hợp với quy định và quy hoạch (Có vị trí nghĩa trang phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Đáp ứng được các quy định trong quy chuẩn kỹ thuật về công trình nghĩa trang);

2.17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định;

2.17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch(sạch nhà, sạch ngõ, sạch bếp) ≥ 70%;

2.17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường (Nằm cách biệt với nhà ở, nguồn nước; được vệ sinh định kỳ bảo đảm phòng ngừa, ứng phó dịch bệnh;chất thải chăn nuôi phải được thu gom và xử lý; không xả, chảy tràn ra khu vực xung quanh) ≥ 60%;

2.17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm 100%.

Kết quả thực hiện:

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh: 1.878/2.086 hộ, đạt 90%.

- Xã luôn phát động phong trào vệ sinh môi trường, vệ sinh nơi công cộng, nơi ở, cải tạo, chỉnh trang khuôn viên nơi dân cư, như phát quang bờ rào, cây xanh, quãng đường từ xã ra huyện, nạo vét, khơi thông rãnh nước tại các bản, xây dựng cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp.

- Về mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch: trên địa bàn xã đã có 10 khu nghĩa địa, 01 nghĩa trang Trung Quốc và được quản lý theo quy hoạch. Các thôn bản đã có quy ước, hương ước về việc tang lễ đảm bảo theo quy định, tiết kiệm, phù hợp theo phong tục tập quán của nhân dân địa phương.

- Về chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - Kinh doanh được thu gom và xử lý theo quy định: Năm 2018 Hỗ trợ xây dựng lò đốt rác: 101 lò (hỗ trợ 996.000 đồng/lò), xe chở rác 9 xe (hỗ trợ 45 triệu đồng), thùng đựng rác 27 cái (triệu đồng 37 triệu đồng), đảm bảo rác thải, chất thải được xử lý. Đặc biệt các hộ gia đình luôn nêu cao tinh thần về bảo vệ môi trường và thu gom và xử lý chất thải.

- Về nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh: 1.502/2.086 hộ, đạt 72%.

- Về chuồng trại chăn nuôi: 1.383/2.086 hộ có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường, đạt 66,3%.

- Về cơ sở sản xuất kinh doanh: trên địa bàn xã hiện có 113 cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm,100% cơ sở có cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định.

Đánh giá: So với quy định đạt tiêu chí số17.

2.18. Tiêu chí hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

Yêu cầu của tiêu chí:

2.18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn (Quyết định số 17/2014/QĐ-UBND ngày 15/7/2014 của UBND tỉnh Lai Châu về việc quy định chức trách, nhiệm vụ, tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lai Châu).

2.18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định (Hệ thống tổ chức chính trị xã hội ở xã bao gồm: Tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể chính trị xã hội :Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên, hội Phụ nữ, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh xã).

2.18.3. Đảng bộ, chính quyền đạt "trong sạch, vững mạnh".

2.18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên 100%.

2.18.5. Xã đạt chuẩn về tiếp cận pháp luật theo quy định; Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

Kết quả thực hiện:

- Tổng số cán bộ, công chức: 22 người, trong đó: Công chức 12 người, cán bộ 10 người, tỷ lệ cán bộ xã đạt chuẩn 21/22 người (95,5%) so với Quyết định số 17/2014/QĐ-UBND ngày 15/7/2014 của UBND tỉnh Lai Châu.

- Xã có đầy đủ các tổ chức chính trị - xã hội từ cấp xã đến các thôn bản.

- 100% Các tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt khá trở lên, năm 2018 dự kiến Đảng bộ, chính quyền xã đạt "trong sạch - vững mạnh".

- Xã đã xây dựng kế hoạch, tuyên truyền về pháp luật đến từng bản, đảm bảo bình đẳng giới về phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội. UBND xã tích cực tuyên truyền nâng cao nhận thức về bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực gia đình xóa bỏ tư tưởng cổ hủ trọng nam khinh nữ trong các gia đình, dòng họ, đặc biệt là chủ gia đình và trưởng họ.

Đánh giá: So với quy định đạt tiêu chí số 18.

2.19. Quốc phòng và An ninh

**** Yêu cầu của tiêu chí:***

2.19.1. Xây dựng lực lượng Dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng;

2.19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiềm chế, giảm liên tục so với các năm.

****Kết quả thực hiện:***

- Xã luôn quan tâm xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các tiêu chí quốc phòng. Số thanh niên nhập ngũ luôn đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch giao. Năm 2018 xã Phúc Than được giao chỉ tiêu nhập ngũ 12 người, xã đang trong thời gian khám sơ tuyển, ước thực hiện đạt 100% kế hoạch.

- Tình hình anh ninh trật tự xã hội trên địa bàn xã luôn ổn định; 24/24 thôn bản đều có quy ước, hương ước về giữ gìn an ninh trật tự, phát triển kinh tế xã hội và thực hiện chế độ hiện hành; trên địa bàn xã không xảy ra các vụ trọng án, tội phạm và tệ nạn xã hội. Xã Phúc Than được UBND huyện Than Uyên công nhận đạt chuẩn về an ninh trật tự tại Quyết định số 2317/QĐ-UBND ngày 08/11/2018.

**** Đánh giá:*** So với quy định đạt tiêu chí số 19

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới

Xã Phúc Than không có nợ đọng xây dựng cơ bản.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

- Thành phần hồ sơ đã đảm bảo các văn bản theo yêu cầu tại Quyết định 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Hồ sơ được lập rõ ràng, khoa học, đúng trình tự.

- Đủ điều kiện để tiếp tục trình UBND tỉnh xem xét thẩm định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã Phúc Than đã được UBND huyện Than Uyên thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là: 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

(có biểu đánh giá các tiêu chí kèm theo)

3. Về nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới

Đến thời điểm thẩm định xã Phúc Than không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

III. KIẾN NGHỊ

Đề nghị BCĐ xây dựng nông thôn mới, Văn Phòng điều phối nông thôn mới tỉnh Lai Châu xem xét thẩm định trình UBND tỉnh Lai Châu công nhận xã Phúc Than Đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018.

Trên đây là Báo cáo thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới của xã Phúc Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu của UBND huyện Than Uyên./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh Lai Châu;
- Sở Kế hoạch – Đầu tư;
- VPĐP – NTM tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- BCĐ xây dựng NTM huyện;
- UBND xã Phúc Than;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vương Thế Mẫn